

NGHỊ QUYẾT

Về đào tạo nguồn nhân lực ngành y tế giai đoạn 2016-2020 của tỉnh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LONG AN
KHÓA VIII - KỲ HỌP THỨ 16**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16/12/2002;

Căn cứ Quyết định số 122/QĐ-TTg ngày 10/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2011-2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định 2992/QĐ-BYT ngày 17/7/2015 của Bộ Y tế về phê duyệt Kế hoạch phát triển nhân lực trong hệ thống khám bệnh, chữa bệnh giai đoạn 2015-2020;

Sau khi xem xét Tờ trình số 880/TTr-UBND ngày 18/3/2016 của UBND tỉnh về thông qua Nghị quyết đào tạo nguồn lực y tế giai đoạn 2016-2020 của tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND và ý kiến của đại biểu HĐND tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất đào tạo nguồn nhân lực ngành y tế giai đoạn 2016 - 2020 của tỉnh, với các nội dung chính như sau:

1. Mục tiêu

Đáp ứng đầy đủ nguồn nhân lực y tế có chất lượng, cơ cấu và phân bố hợp lý, góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, công tác dân số, nhu cầu về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe của nhân dân.

2. Chỉ tiêu cụ thể

- Đạt tỷ lệ 8 bác sĩ /10.000 dân
- Đạt tỷ lệ 2 dược sĩ /10.000 dân
- Đạt tỷ lệ 16 điều dưỡng/10.000 dân.
- Đạt 20% tổng số điều dưỡng có trình độ cao đẳng và đại học.
- Các bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh có ít nhất 50% tổng số bác sĩ có trình độ chuyên khoa cấp I trở lên và tương đương.
- Mỗi bệnh viện huyện/trung tâm y tế huyện có giường bệnh có ít nhất 5 bác sĩ chuyên khoa cấp I thuộc các chuyên ngành chủ yếu, bao gồm nội khoa, ngoại khoa, sản khoa, nhi khoa và truyền nhiễm.

3. Đối tượng đào tạo

- Đối với hệ chính quy: Học sinh phổ thông thi vào các trường Đại học Y Dược.
- Đối với hệ liên thông, hệ vừa học vừa làm: Nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ hiện có trình độ từ trung cấp lên đại học.

4. Phân kỳ thực hiện đầu vào như sau

a) Sau Đại học:

Đối tượng được cử đi đào tạo	Nhu cầu cần cử đi đào tạo	Phân kỳ thực hiện theo từng năm				
		2016	2017	2018	2019	2020
Tiến sĩ	3		1	1	1	
Thạc sĩ	30	5	6	6	6	7
Chuyên khoa I	200	40	40	40	40	40
Chuyên khoa II	30	14	4	4	4	4
TỔNG CỘNG	263	59	51	51	51	51

b) Đại học:

Đối tượng được cử đi đào tạo	Nhu cầu cần cử đi đào tạo	Phân kỳ thực hiện theo từng năm				
		2016	2017	2018	2019	2020
1. Hệ chính quy	480	70	90	100	100	120
- Bác sĩ	380	50	70	80	80	100
- Dược sĩ	50	10	10	10	10	10
- Cử nhân Điều dưỡng, Hộ sinh, Kỹ thuật viên Y	50	10	10	10	10	10
2. Hệ liên thông	345	115	95	45	45	45
- Bác sĩ	120	70	50	0	0	0
- Dược sĩ	25	5	5	5	5	5
- Cử nhân Điều dưỡng, Hộ sinh, Kỹ thuật viên Y	200	40	40	40	40	40

5. Kinh phí

a) Sau đại học:

ĐVT: ngàn đồng

Đối tượng được cử đi đào tạo	Số đang đào tạo	Nhu cầu cần cử đi đào tạo	Thời gian đào tạo	Kinh phí/người	Tổng kinh phí
Tiến sĩ		3	3 năm	55.550	377.740

Thạc sĩ	5	30	2 năm	37.550	3.161.710
Chuyên khoa I	66	200	2 năm	47.550	31.696.830
Chuyên khoa II	2	30	2 năm	57.550	5.317.620
Tổng cộng					40.553.900

Bảng chữ: Bốn mươi tỷ năm trăm năm mươi ba triệu chín trăm ngàn đồng.

b) Đại học:

DVT: ngàn đồng

<i>Đối tượng được cử đi đào tạo</i>	<i>Số đang đào tạo</i>	<i>Nhu cầu cần cử đi đào tạo</i>	<i>Thời gian đào tạo</i>	<i>Kinh phí/người</i>	<i>Tổng kinh phí</i>
1. Hệ chính quy					72.628.360
- Bác sĩ	213	380	6 năm	33.550	61.993.690
- Dược sĩ	13	50	5 năm	33.550	6.032.290
- Cử nhân Điều dưỡng, Hộ sinh, Kỹ thuật viên Y	35	50	4 năm	32.050	4.602.380
2. Hệ liên thông					56.119.860
- Bác sĩ	105	120	4 năm	33.550	31.302.150
- Dược sĩ	23	25	4 năm	33.550	3.395.260
- Cử nhân Điều dưỡng, Hộ sinh, Kỹ thuật viên Y	23	200	4 năm	31.550	21.422.450
Tổng cộng					128.748.220

Bảng chữ: Một trăm hai mươi tám tỷ bảy trăm bốn mươi tám triệu hai trăm hai mươi ngàn đồng.

c) Kinh phí dự kiến hỗ trợ đào tạo theo từng năm:

DVT: ngàn đồng

<i>Kinh phí hỗ trợ đào tạo</i>	<i>Kinh phí/người</i>
- Năm 2016	18.312.960
- Năm 2017	27.022.300
- Năm 2018	34.096.040
- Năm 2019	41.884.420
- Năm 2020	47.986.400
TỔNG CỘNG	169.302.120

Bảng chữ: Một trăm sáu mươi chín tỷ ba trăm lẻ hai triệu một trăm hai mươi ngàn đồng.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.

Điều 3. Hội đồng nhân dân giao Thường trực, các Ban và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Long An kỳ họp thứ 16 Khóa VIII thông qua ngày 26 tháng 4 năm 2016.

Nghị quyết này có hiệu lực sau 10 (mười) ngày kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua./.

Nơi nhận:

- UB Thường vụ Quốc hội (b/c);
- Chính phủ (b/c);
- VP.QH, VP.CP “TP.HCM” (b/c);
- Ban Công tác đại biểu, UBTVQH (b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp;
- TT.TU (b/c);
- UBND tỉnh, UBMTTQ tỉnh;
- Đại biểu QH đơn vị tỉnh Long An;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa VIII;
- Các sở ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT.HĐND, UBND huyện, thị xã, thành phố;
- VP.UBND tỉnh;
- LĐ và CV VP. Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

